

Biểu mẫu 01

(Kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 3 tháng 6 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH
TRƯỜNG MẦM NON 3

THÔNG BÁO

Cam kết chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục mầm non, năm học 2024-2025

STT	Nội dung	Nhà trẻ	Mẫu giáo
I	Mức độ về sức khỏe mà trẻ em sẽ đạt được	Đảm bảo sức khỏe trẻ đạt tốt: 29/29 trẻ.	Đảm bảo sức khỏe trẻ đạt tốt: 144/144 trẻ.
II	Mức độ về năng lực và hành vi mà trẻ em sẽ đạt được	Đạt 29/29 trẻ.	Đạt 144/144 trẻ.
III	Chương trình chăm sóc giáo dục mà cơ sở giáo dục tuân thủ	Theo chương trình Giáo dục mầm non.	Theo chương trình Giáo dục mầm non
IV	Các điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục	Trang bị, bổ sung các TTB, ĐDDH đảm bảo chăm sóc giáo dục cháu tốt.	Trang bị, bổ sung các TTB, ĐDDH đảm bảo chăm sóc giáo dục cháu tốt.

Tân Bình, ngày 01 tháng 6 năm 2025
HIỆU TRƯỞNG



Trần Thị Kim Chung

Biểu mẫu 02

(Kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 3 tháng 6 năm 2024 của
Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH
TRƯỜNG MẦM NON 3

THÔNG BÁO

Công khai chất lượng giáo dục mầm non thực tế, năm học 2024-2025

Đơn vị tính: trẻ em

STT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Nhà trẻ			Mẫu giáo		
			3-12 tháng tuổi	13-24 tháng tuổi	25-36 tháng tuổi	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi
I	Tổng số trẻ em							
1	Số trẻ em nhóm ghép							
2	Số trẻ em 1 buổi/ngày							
3	Số trẻ em 2 buổi/ngày	173		5	24	49	49	46
4	Số trẻ em khuyết tật học hòa nhập							
II	Số trẻ em được tổ chức ăn tại cơ sở	173		5	24	49	49	46
III	Số trẻ em được kiểm tra định kỳ sức khỏe	173		5	24	49	49	46
IV	Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng	173		5	24	49	49	46
V	Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em	173		5	24	49	49	46
1	Kênh bình thường	173		5	24	49	49	46
2	Kênh dưới -2							
3	Kênh dưới -3							
4	Kênh trên +2							
5	Kênh trên +3							
6	Phân loại khác							
7	Số trẻ em suy dinh dưỡng							
8	Số trẻ em béo phì							
VI	Số trẻ em học các chương trình chăm sóc giáo dục	173		5	24	49	49	46
1	Đối với nhà trẻ							
a	Chương trình chăm sóc giáo dục trẻ 3-36 tháng							
b	Chương trình giáo dục mầm non - Chương trình giáo dục nhà trẻ	29		5	24			
2	Đối với mẫu giáo	144				49	49	46
a	Chương trình chăm sóc giáo dục mẫu giáo	144				49	49	46
b	Chương trình 26 tuần							
c	Chương trình 36 buổi							
d	Chương trình giáo dục mầm non- Chương trình giáo dục mẫu giáo	144				49	49	46

Tân Bình, ngày 01 tháng 6 năm 2025

Hiệu trưởng



Trần Thị Kim Chung

Biểu mẫu 03

(Kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 3 tháng 6 năm 2024 của
Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH
TRƯỜNG MẦM NON 3

THÔNG BÁO**Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục mầm non, năm học 2024-2025**

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân			
I	Tổng số phòng	9	Số m ² /trẻ em			
II	Loại phòng học					
1	Phòng học kiên cố	9				
2	Phòng học bán kiên cố					
3	Phòng học tạm					
4	Phòng học nhờ					
III	Số điểm trường	2				
IV	Tổng diện tích đất toàn trường (m ²)	1295				
V	Tổng diện tích sân chơi (m ²)	339	2.0			
VI	Tổng diện tích một số loại phòng	763				
1	Diện tích phòng sinh hoạt chung (m ²)	763	4.5			
2	Diện tích phòng ngủ (m ²)	763	4.5			
3	Diện tích phòng vệ sinh (m ²)	74,8	0.4			
4	Diện tích hiên chơi (m ²)	554,5	3.2			
5	Diện tích nhà bếp đúng quy cách (m ²)	140				
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	10	9 bộ/9 nhóm (lớp)			
VII I	Tổng số thiết bị điện tử-tin học đang được sử dụng phục vụ học tập (máy vi tính, máy chiếu, máy ảnh kỹ thuật số v.v...)	18				
IX	Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác		Số thiết bị/nhóm (lớp)			
1	Ti vi	9				
2	Nhạc cụ (Đàn oorgan, ghi ta, trống)	1				
3	Máy phô tô	2				
5	Catsset	2				
6	Đầu Video/đầu đĩa	3				
7	Thiết bị khác (vi tính)	18				
8	Đồ chơi ngoài trời	10				
9	Bàn ghế đúng quy cách	235				
10	Thiết bị khác: máy ảnh	0				
		Số lượng (m ²)				
X	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh	Số m ² /trẻ em		
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	13		13		0,3
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(*Theo Quyết định số 14/2008/QĐ-BGDĐT ngày 07/4/2008 của Bộ GDĐT về Điều lệ trường mầm non và Quyết định số 08/2005/QĐ-BYT ngày 11/3/2005 của Bộ Y tế quy định về tiêu chuẩn vệ sinh đối với các loại nhà tiêu)

		Có	Không
XI	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XII	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XIII	Kết nối internet (ADSL)	x	
XIV	Trang thông tin điện tử (website) của cơ sở giáo dục	x	
XV	Tường rào xây	x	
..	...		

Tân Bình, ngày 01 tháng 6 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG



Trần Thị Kim Chung

Biểu mẫu 04

(Kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 3 tháng 6 năm 2024 của
Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH
TRƯỜNG MẦM NON 3

THÔNG BÁO

**Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên
của cơ sở giáo dục mầm non, năm học 2024-2025**

STT	Nội dung	Tổng số	Hình thức tuyển dụng		Trình độ đào tạo						Ghi chú
			Tuyển dụng trước ND 116 và tuyển dụng theo ND 116 (Biên chế, hợp đồng làm việc ban đầu, hợp đồng làm việc có thời hạn, hợp đồng làm việc không thời hạn)	Các hợp đồng khác (Hợp đồng làm việc, hợp đồng vụ việc, ngắn hạn, thỉnh giảng, hợp đồng theo ND 68)	TS	Th S	ĐH	CĐ	TC CN	Dưới TCCN	
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	30	30				22	0	1	7	
I	Giáo viên	17	17				17	0	0		
II	Cán bộ quản lý	3	3				3				
1	Hiệu trưởng	1	1				1				
2	Phó hiệu trưởng	2	2				2				
III	Nhân viên	10	10				2		1	7	
1	Nhân viên văn thư	1	1				1				
2	Nhân viên kế toán	1	1				1				
3	Thủ quỹ										
4	Nhân viên y tế	1	1						1		
5	Nhân viên thư viện										
6	Nhân viên khác	7	7							7	
..	..										

Tân Bình, ngày 01 tháng 6 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG



Trần Thị Kim Chung

